

## GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT

### **BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Tài nguyên nước năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;*

*Căn cứ Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất;*

*Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;*

*Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi và Hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi (có địa chỉ tại số 17 Phan Chu Trinh, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi) khai thác nước dưới đất với các nội dung sau:

1. Mục đích khai thác, sử dụng nước: cấp nước sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (cấp nước đô thị) cho thành phố Quảng Ngãi.

Sản lượng phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước sẽ được xác định cụ thể trong Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

2. Vị trí công trình khai thác nước: nằm trên địa bàn các phường Trần Phú, Lê Hồng Phong và Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Tầng chứa nước khai thác: Holocen (qh) và Pleistocen (qp).

4. Tổng số giếng khai thác: 17 giếng khoan.

5. Tổng lượng nước khai thác: 23.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

6. Thời hạn của giấy phép là: năm (05) năm.

7. Chế độ khai thác: 365 ngày/năm.

## 8. Vị trí toạ độ, lưu lượng và các thông số của công trình cụ thể như sau:

Số hiệu giếng	Toạ độ (hệ VN 2000, kinh tuyến trục 111 <sup>0</sup> 00', múi chiều 6 <sup>0</sup> )		Lưu lượng khai thác (m <sup>3</sup> /ngđ)	Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Chiều sâu mực nước động cho phép (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X	Y		Từ	Đến		
GĐ1	1674266	263182	1.260	-	-	8,0	qh
GĐ2	1674322	263236	1.260	-	-	8,0	qh
GĐ3	1674328	263260	1.440	-	-	8,0	qh
GK4	1674361	263015	1.080	5,0	9,0	12,0	qh, qp
				17,0	23,0		
GK5	1674018	262418	1.080	6,0	10,0	12,0	qh, qp
				16,5	23,0		
				23,0	26,5		
GK6	1673918	262182	1.080	7,4	10,0	12,0	qh, qp
				17,6	23,0		
GK7	1673769	261784	300	5,0	8,0	12,0	qh, qp
				14,0	20,0		
GK8	1674507	263625	1.260	3,5	11,0	12,0	qh, qp
				16,0	24,0		
GK9	1674480	263655	2.160	4,5	10,9	12,0	qp
				13,7	24,5		
GK10 (G15)	1674454	263686	2.160	16,5	28,5	12,0	qp
GK11 (G2A)	1675209	264344	1.080	4,5	10,5	12,0	qp
				12,5	16,5		
GK12 (G1B)	1675226	264387	720	5,0	11,0	12,0	qp
				14,6	16,6		
GK13 (G10)	1674515	263580	2.160	5,3	11,7	12,0	qp
				16,5	27,2		
GK14 (G2B)	1675244	264434	720	5,0	11,0	12,0	qh, qp
				15,0	17,0		
GK15 (G9B)	1674464	263631	1.800	10,6	14,6	12,0	qp
				21,0	25,0		
GK16 (G16)	1674436	263735	2.160	15,5	27,5	12,0	qp
GK17 (G1A)	1675230	264336	1.080	4,0	10,0	12,0	qp
				14,5	18,5		

(có sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước kèm theo)

**Điều 2.** Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi chỉ được phép khai thác nước dưới đất theo nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này nếu bảo đảm các yêu cầu sau đây:

1. Hoàn thành việc lắp đặt thiết bị đo tự động mực nước tại các giếng quan trắc: QN1 (X: 1674461; Y: 263639); QN2 (X: 1674438; Y: 263728) và QN3 (X: 1674476; Y: 263664) và thiết bị đo tự động lưu lượng, mực nước tại các giếng khai

thác của công trình. Thực hiện việc quan trắc, giám sát mực nước tại các giếng quan trắc và quan trắc, giám sát lưu lượng, mực nước tại các giếng khai thác; kết nối, cập nhật số liệu quan trắc vào hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

2. Phối hợp xác định ranh giới phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác theo quy định tại Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; theo dõi, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.

3. Bảo đảm thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải, rác thải theo quy định về bảo vệ môi trường và thu gom, xử lý nước thải theo quy định về xả nước thải vào nguồn nước.

4. Đảm bảo xử lý nước đạt quy chuẩn để cấp nước cho sinh hoạt và chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng nước sạch do Công ty cung cấp; thực hiện đầy đủ các quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt; tuân thủ các quy định về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành có liên quan đến sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

5. Nghiên cứu phương án khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, giảm tỷ lệ thất thoát trong hệ thống cấp nước. Thực hiện đúng các quy định về hạn chế khai thác nước dưới đất theo quy định tại Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất.

6. Lập sổ theo dõi lượng nước khai thác hàng ngày và thường xuyên theo dõi, cập nhật tình hình lún bề mặt đất tại khu vực công trình khai thác, trường hợp phát hiện dấu hiệu bất thường về lún bề mặt đất thì phải điều chỉnh giảm lưu lượng hoặc tạm dừng việc khai thác và báo cáo kịp thời đến các cơ quan chức năng ở Trung ương, địa phương để có biện pháp xử lý.

7. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước ở Trung ương và địa phương. Trường hợp gây ô nhiễm, ảnh hưởng xấu tới nguồn nước, môi trường và các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác hoặc xảy ra sự cố công trình thì phải dừng ngay việc khai thác và báo cáo kịp thời đến các cơ quan chức năng ở Trung ương, địa phương để có biện pháp xử lý.

8. Trường hợp phát sinh mục đích khai thác, sử dụng nước khác hoặc phải điều chỉnh các nội dung của Giấy phép thì phải lập ngay hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất và hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định (nếu có).

9. Định kỳ hằng năm (trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo) báo cáo hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất của công trình đến Cục Quản lý tài nguyên nước và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi theo quy định.

10. Nộp thuế tài nguyên và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 của Luật tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2022. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty còn tiếp tục khai thác nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục đề nghị gia hạn giấy phép theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở TN&MT tỉnh Quảng Ngãi;
- Thanh tra Bộ TN&MT;
- Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục Hạ tầng kỹ thuật (Bộ Xây dựng);
- Trung tâm QH&ĐTTNNQG (để cập nhật CSDL);
- Công ty CP CTN &XD Quảng Ngãi (02);
- Lưu: VT, VP, HSCP<sup>TNN-KTNDĐ-022.22</sup>(02), VPMC, TNN (02).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Lê Công Thành**

# SƠ ĐỒ KHU VỰC VÀ VỊ TRÍ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Thuộc các phường Trần Phú, Lê Hồng Phong và Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số: /GP-BTNMT ngày tháng năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp)

## CHÚ GIẢI

### 1. Các giếng được phép khai thác có các thông số như sau

STT	Số hiệu giếng	Giới hạn khai thác			Ghi chú
		Lưu lượng m <sup>3</sup> /ngày	Chiều sâu giếng (m)	Tầng chứa nước khai thác	
1	GD1	1260	9,0	qh	Giếng khai thác
2	GD2	1260	11,0	qh	Giếng khai thác
3	GD3	1440	10,0	qh	Giếng khai thác
4	GK4	1080	35,0	qp	Giếng khai thác
5	GK5	1080	37,5	qp	Giếng khai thác
6	GK6	1080	31,0	qp	Giếng khai thác
7	GK7	300	32,0	qp	Giếng khai thác
8	GK8	1260	25,3	qp	Giếng khai thác
9	GK9	2160	26,5	qp	Giếng khai thác
10	GK15(G9B)	1800	26,0	qp	Giếng khai thác
11	GK10(G15)	2160	30,0	qp	Giếng khai thác
12	GK16(G16)	2160	29,0	qp	Giếng khai thác
13	GK13(G10)	2160	29,0	qp	Giếng khai thác
14	GK17(G1A)	1080	19,0	qp	Giếng khai thác
15	GK11(G2A)	1080	19,1	qp	Giếng khai thác
16	GK12(G1B)	720	19,5	qp	Giếng khai thác
17	GK14(G2B)	720	21,0	qp	Giếng khai thác
18	QN1		26,0		Giếng quan trắc
19	QN2		28,5		Giếng quan trắc
20	QN3		26,5		Giếng quan trắc

### 2. Các ký hiệu khác

	Giếng khai thác của Công ty		Giao thông		Đường đồng mức
	Giếng quan trắc của Công ty		Sông suối		Ph. Trần Phú
	Giếng khoan trong khu vực		Ranh giới hành chính		
	Phạm vi giới hạn công trình				

